

NCT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1523
Ngày: 20/11/23
Số: 3793 /TĐC - HCHQ
Chuyên: TM 2, TM 3
Số và ký hiệu HS: NCT, HCHQ

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Địa chỉ trụ sở: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. .

Điện thoại: 0243.8360.289

Fax: 0243.8361.199

Email: thitruong@quatest1.com.vn

Địa chỉ phòng thử nghiệm:

a) Số 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

b) Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

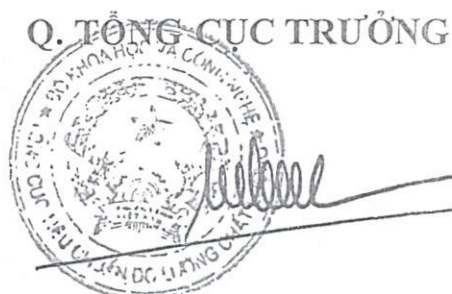
Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực thử nghiệm: **Điện – Điện tử, cơ lý, hoá học** (Danh mục sản phẩm, hàng hóa, phép thử, tiêu chuẩn và phương pháp thử nghiệm theo Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: 72/TN - TĐC.

3. Giấy chứng nhận này được cấp lần 9 và có hiệu lực đến ngày 25/8/2027.

Nơi nhận:

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;
- Bộ KHCN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ



Hà Minh Hiệp



Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ CÁC PHÉP THỬ
DẠNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 3793 /TĐC-HCHQ ngày 16/11/2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa/Tên phép thử	Phương pháp thử/ Tiêu chuẩn thử nghiệm
I	Điện – Điện tử	
	Sản phẩm cáp điện	
1.	Chiều xoắn/ Bội số bước xoắn của ruột dẫn	Tiêu chuẩn NFC 33-209:1996 và các tiêu chuẩn liên quan/viện dẫn
2.	Đường kính ruột dẫn	
3.	Lực kéo đứt của ruột dẫn	
4.	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C	
5.	Chiều dày cách điện	
6.	Suất kéo đứt và độ dẫn dài tương đối của cách điện trước lão hóa	
7.	Suất kéo đứt và độ dẫn dài tương đối của cách điện sau lão hóa	
8.	Thử hotset	
9.	Đường kính của lõi cáp	
10.	Chiều dài bước xoắn của cụm lõi	
11.	Thử độ bền điện áp tần số công nghiệp	
12.	Điện trở cách điện ở 80°C	
13.	Thử co ngót	
14.	Thử xung điện áp tiêu chuẩn	
15.	Kết cấu ruột dẫn	Tiêu chuẩn AS/NZS 3599.1:2003 và các tiêu chuẩn liên quan/viện dẫn
16.	Điện trở ruột dẫn	
17.	Đường kính sợi dẫn	
18.	Đường kính ruột dẫn	



kg

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa/Tên phép thử	Phương pháp thử/ Tiêu chuẩn thử nghiệm
19.	Thử chống thấm nước	Tiêu chuẩn AS/NZS 3599.1:2003 và các tiêu chuẩn liên quan/viện dẫn
20.	Thử uốn kết hợp với thử phóng điện cục bộ	
21.	Đo tan ô	
22.	Thử chu kỳ nhiệt kết hợp với thử phóng điện cục bộ	
23.	Thử xung kết hợp với thử chịu điện áp	
24.	Thử điện áp	
25.	Điện trở suất của bán dẫn	
26.	Khả năng tách bán dẫn cách điện bằng tay	
27.	Chiều dày cách điện	
28.	Chiều dày vỏ bọc	
29.	Kích thước lớp màn chắn kim loại	
30.	Suất kéo đứt và giãn dài cách điện	
31.	Suất kéo đứt và giãn dài cách điện sau lão hóa	
32.	Suất kéo đứt và giãn dài vỏ bọc	
33.	Suất kéo đứt và giãn dài vỏ bọc sau lão hóa	
34.	Thử lão hóa bổ sung trên mẫu cáp hoàn chỉnh	
35.	Thử co ngót	
36.	Thử hotset	
37.	Thử nén ở nhiệt độ cao	
38.	Hàm lượng carbon	
39.	Độ phân tán carbon	
40.	Đường kính ngoài của cáp	ASTM B 711:2005 và các tiêu chuẩn liên quan/viện dẫn
41.	Số sợi/ Đường kính sợi nhôm hợp kim	
42.	Số sợi/ Đường kính sợi thép	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa/Tên phép thử	Phương pháp thử/ Tiêu chuẩn thử nghiệm
43.	Tiết diện của cáp	ASTM B 711:2005 và các tiêu chuẩn liên quan/viện dẫn
44.	Chiều xoắn/ Bội số bước xoắn	
45.	Lực kéo đứt toàn cáp	
46.	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C	
47.	Nhiệt độ chảy giọt của mỡ bảo vệ	
48.	Khối lượng của cáp	
49.	Module đàn hồi	
50.	Hệ số dẫn nở nhiệt	
II	Cơ lý	
	Hàng tiêu dùng	
	Da	
1.	Xác định độ ẩm	TCVN 7537:2005
2.	Đo độ dày	TCVN 7118:2007
3.	Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn dài	TCVN 7121:2014
4.	Xác định độ bền xé rách	TCVN 7122-1:2007
5.	Độ bền bề mặt	TCVN 7123:2007
6.	Xác định độ bền uốn gấp bằng máy uốn gấp	TCVN 7534:2005
	Chỉ may mũi giày	
7.	Độ bền kéo đứt sợi chỉ	TCVN 7836:2007
	Vật liệu dệt	
8.	Xác định sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	TCVN 8041:2009
9.	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8042:2009
10.	Kích thước	TCVN 7834:2007
	Cao su	

SJA
 F-13
 JENCO

ly

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa/Tên phép thử	Phương pháp thử/ Tiêu chuẩn thử nghiệm
11.	Độ cứng	TCVN 1595-1,2:2013
12.	Phép thử già hóa nhanh và độ chịu nhiệt	TCVN 2229:2013
	Composite	
13.	Độ bền kéo đứt	TCVN 4501-1,2,:2014 TCVN 4501-3,4,5:2009
	Gỗ	
14.	Xác định độ ẩm cho các phép thử vật lý và cơ học	TCVN 13707-1:2023
15.	Xác định khối lượng riêng cho các phép thử vật lý và cơ học	TCVN 13707-2:2023
16.	Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN 13707-3:2023
17.	Xác định độ bền nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023
18.	Xác định độ bền kéo song song với thớ	TCVN 13707-6:2023
19.	Xác định độ bền kéo vuông góc với thớ	TCVN 13707-7:2023
20.	Xác định độ bền cắt song song với thớ	TCVN 13707-8:2023
21.	Xác định độ bền nén song song với thớ	TCVN 13707-17:2023
	Ống nhựa	
22.	Độ bền kéo đứt, giãn dài	TCVN 7434-1,3:2020 TCVN 7434-2:2004
	Tấm thạch cao	
23.	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2009
24.	Xác định độ thấm thấu hơi nước	TCVN 8257-8:2009
III	Hoá học	
	Hàng tiêu dùng	
	Da	
1.	Hàm lượng chất hòa tan trong Ete etyl	TCVN 7430:2004
2.	Hàm lượng Cr_2O_3	TCVN 7429:2004

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ ngành, lĩnh vực ban hành, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 phải thực hiện theo các quy định này trước khi thực hiện thử nghiệm.

- KTx.xx...: Phương pháp thử nghiệm do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 xây dựng và công bố áp dụng

- AS/NZS 3599.1:2003: Cáp điện vặn xoắn - Điện áp 6,35/11(12)kV và 12,7/22(24)kV - Có màn chắn kim loại/Tiêu chuẩn quốc gia của New Zealand.

- ASTM B 711:2005: Cáp nhôm hợp kim lõi thép/Tiêu chuẩn do Hiệp hội thử nghiệm và vật liệu Hoa Kỳ ban hành.

- NFC 33-209:1996: Cáp điện vặn xoắn dùng cho hệ thống trên cao có điện áp danh định 0,6/1kV/Tiêu chuẩn quốc gia của Pháp.

Rg

